

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-PT

Ngày 31 tháng 8 năm 2020

V/v “*Tranh chấp chia tài
sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Giáp Bá Dự

Ông Đặng Ngọc Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long—Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 1 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Cháu Nguyễn Thực Q, sinh ngày 17-5-2007.

2. Cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 15-7-2011

Cháu Nguyễn Thực Q và cháu Nguyễn Hà V do chị Nguyễn Thị Thu Đ (là mẹ đẻ) làm đại diện theo pháp luật.

Các nguyên đơn và chị Nguyễn Thị Thu Đ đều cư trú tại tổ 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Thu Đ có mặt.

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại tổ 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng; cư trú tại thôn K, xã Ia S, huyện P, tỉnh Gia Lai, tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng; cư trú tại thôn K, xã Ia S, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Hồng có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện P thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2006, chị và anh Nguyễn Trung Kiên kết hôn và có 2 con là cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V. Đến ngày 6-9-2017, chị và anh K ly hôn, chị nuôi cháu V, anh K nuôi cháu Q. Về tài sản chung, chị và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 29-1-2018, anh K chết, chị đưa cháu Q về nuôi đến nay.

Sau khi chị và anh K kết hôn, bố mẹ chồng cho chị và anh K lô đất rộng khoảng 100 m² tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P (*phía Đông giáp đất ông Ma Siu, phía Tây giáp đường đi vào Ủy ban nhân dân huyện P, phía Nam giáp đất ông Thành, phía Bắc giáp đất ông Ma Láp*), tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4c. Khi còn sống, anh K nộp thuế đầy đủ cho nhà nước. Sau khi anh K chết, bố mẹ anh K đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Hiện nay, chị và các con phải thuê nhà để ở. Chị yêu cầu chia thừa kế theo quy định, các con của chị được nhận nhà, đất và thanh toán kỹ phần của các đồng thừa kế khác.

Khoản tiền tử tuất của anh K là 88.107.525 đồng, chị yêu cầu bà Hiền phải chia cho cháu Q và cháu V 37.554.000 đồng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hồng trình bày:*

Khoản tiền tử tuất của anh K thì chị Đ khai là đúng, chị đồng ý chia tiền tử tuất này như yêu cầu của chị Đ.

Chị Đ trình bày về lô đất tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P là không có cơ sở, vì nguồn gốc lô đất này là của bố mẹ chị mua của bà Nguyễn Thị Điều (*người ở thôn Hải Hà, xã Ia Sol, huyện P*). Nếu là đất của anh K thì anh K phải đóng thuế trên 20 năm, còn nếu là do bố mẹ chị tặng cho anh K thì phải trên 30 năm mới có quyền thừa kế. Chị yêu cầu chia lô đất trên thành 2 phần, bố mẹ chị một phần, phần còn lại thì chia cho các thành viên trong gia đình gồm bà Nguyễn Thị H, chị và các cháu là Nguyễn Thục Q, Nguyễn Hà V. Chị yêu cầu được nhận đất và thanh toán phần chênh lệch theo kỹ phần cho các cháu là Nguyễn Thục Q, Nguyễn Hà V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 19-11-2019, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 và điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V (*do chị Nguyễn Thị Thu Đ làm người đại diện theo pháp luật*).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về tiền tuất một lần, chia làm 2 phần, mỗi bên được hưởng 37.554.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V 37.554.000 đồng.

Tạm giao cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V thửa đất số 136, tờ bản đồ số 22, diện tích 95 m² (*dài 19 m, rộng 5 m*) trong đó đất ở là 75 m², đất CLN 20 m² tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P; có tứ cận: phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, phía Tây giáp đất ông Ma Láp, phía Nam giáp đất ông Thành, phía Bắc giáp đất ông Châu; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4c.

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V tiếp tục kê khai đăng ký làm thủ tục giấy tờ đất theo quy định của pháp luật.

Buộc cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V phải trả cho bà Nguyễn Thị H 116.665.000 đồng.

Buộc cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V phải trả cho chị Nguyễn Thị Hồng 29.165.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 2 tháng 12 năm 2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị H kháng cáo phần bản án sơ thẩm về phân chia di sản là thửa đất số 136, tờ bản đồ số 22, diện tích 95 m² (*dài 19 m, rộng 5 m*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Quyền sử dụng thửa đất diện tích 95 m² (*trong đó có 75 m² đất ở, 20 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Tất Thành*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (*phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, có chiều dài 5 mét; phía Tây giáp đất ông Ma Láp, có chiều dài 5 mét; phía Nam giáp đất ông Thành có chiều dài 19 mét; phía Bắc giáp đất ông Châu, có chiều dài 19 mét*), là tài sản của anh Nguyễn Trung Kiên để lại; thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do anh Nguyễn Trung Kiên chết ngày 29-1-2018 và không có di chúc, nên thửa đất này là di sản và được chia theo pháp luật; giá trị quyền sử dụng của thửa đất này là 1.000.000.000 đồng.

Tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Trung Kiên gồm cháu Nguyễn Thục Q, cháu Nguyễn Hà V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức Phương (*chết ngày 28-8-2018*). Do ông Nguyễn Đức Phương chết sau thời điểm mở thừa kế, nên kỷ phần mà ông Nguyễn Đức Phương được hưởng của anh Nguyễn Trung Kiên sẽ giao cho bà Hiền quản lý.

Tạm giao cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V quyền sử dụng thửa đất diện tích 95 m² (*trong đó có 75 m² đất ở, 20 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Tất Thành*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (*phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, có chiều dài 5 mét; phía Tây giáp đất ông Ma Láp, có chiều dài 5 mét; phía Nam giáp*

đất ông Thành có chiều dài 19 mét; phía Bắc giáp đất ông Châu, có chiều dài 19 mét).

(có sơ đồ của thửa đất kèm theo bản án này).

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H kỷ phần của bà Nguyễn Thị H, kỷ phần của ông Nguyễn Đức Phương. Do bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V 72.595.025 đồng tiền tử tuất một lần của anh Nguyễn Trung Kiên, nên sau khi trừ đi 72.595.025 đồng này thì cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng cộng là 427.404.975 đồng.

Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm là 8.000.000 đồng; cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V chịu 3.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H chịu 5.000.000 đồng (*các bên đương sự đã nộp đủ các khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*).

Chị Nguyễn Thị Thu Đ làm đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và giải quyết tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Do cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V là trẻ em; bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi; cháu Q, cháu V và bà Hiền đều có đơn đề nghị được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai;

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Quyền sử dụng thửa đất diện tích 95 m² (*trong đó có 75 m² đất ở, 20 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Tất Thành*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (*phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, có chiều dài 5 mét; phía Tây giáp đất ông Ma Láp, có chiều dài 5 mét; phía Nam giáp đất ông Thành có chiều dài 19 mét; phía Bắc giáp đất ông Châu, có chiều dài 19 mét*), là tài sản của anh Nguyễn Trung Kiên để lại; thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do anh Nguyễn Trung Kiên chết ngày 29-1-2018 và không có di chúc, nên thửa đất này là di sản và được chia theo pháp luật; giá trị quyền sử dụng của thửa đất này là 1.000.000.000 đồng.

Tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Trung Kiên gồm cháu Nguyễn Thục Q, cháu Nguyễn Hà V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức Phương (*chết ngày 28-8-2018*). Do ông Nguyễn Đức Phương chết sau thời điểm mở thừa kế, nên kỷ phần mà ông Nguyễn Đức Phương được hưởng của anh Nguyễn Trung Kiên sẽ giao cho bà Hiền quản lý.

Tạm giao cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V quyền sử dụng thửa đất diện tích 95 m² (*trong đó có 75 m² đất ở, 20 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Tất Thành*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (*phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, có chiều dài 5 mét; phía Tây giáp đất ông Ma Láp, có chiều dài 5 mét; phía Nam giáp đất ông Thành có chiều dài 19 mét; phía Bắc giáp đất ông Châu, có chiều dài 19 mét*).

(Có sơ đồ của thửa đất kèm theo bản án này).

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H kỷ phần của bà Nguyễn Thị H, kỷ phần của ông Nguyễn Đức Phương. Do bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V 72.595.025 đồng tiền tử tuất một lần của anh Nguyễn Trung Kiên, nên sau khi trừ đi 72.595.025 đồng này thì cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng cộng là 427.404.975 đồng.

Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm là 8.000.000 đồng; cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V chịu 3.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H chịu 5.000.000 đồng (*các bên*

đương sự đã nộp đủ các khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản).

Chị Nguyễn Thị Thu Đ làm đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thực Q và cháu Nguyễn Hà V trong các giao dịch nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015 (*mẹ làm đại diện theo pháp luật cho con chưa thành niên*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Cháu Nguyễn Thực Q và cháu Nguyễn Hà V được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai số 0006282 ngày 13-3-2019 và 1.877.000 đồng theo Biên lai số 0006282 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006395 ngày 2-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai .

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Gia Lai;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tiến Dũng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa* : Ông Phan Tiến Dũng.

- *Các Thẩm phán*: Ông Đặng Ngọc Ba và ông Giáp Bá Dự.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 1 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Cháu Nguyễn Thực Q, sinh ngày 17-5-2007.

2. Cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 15-7-2011

Cháu Nguyễn Thực Q và cháu Nguyễn Hà V do chị Nguyễn Thị Thu Đ (là mẹ đẻ) làm đại diện theo pháp luật.

Các nguyên đơn và chị Nguyễn Thị Thu Đ đều cư trú tại tổ 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại tổ 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng; cư trú tại thôn K, xã Ia S, huyện P, tỉnh Gia Lai, tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng; cư trú tại thôn K, xã Ia S, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về điều luật áp dụng:

Ý kiến Thẩm phán 1:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ý kiến Thẩm phán 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí ý kiến Thẩm phán 1.

Kết quả biểu quyết: đồng ý : 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

Về quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Ý kiến Thẩm phán 1:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai;

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Quyền sử dụng thửa đất diện tích 95 m² (*trong đó có 75 m² đất ở, 20 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Tất Thành*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (*phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, có chiều dài 5 mét; phía Tây giáp đất ông Ma Láp, có chiều dài 5 mét; phía Nam giáp đất ông Thành có chiều dài 19 mét; phía Bắc giáp đất ông Châu, có chiều dài 19 mét*), là tài sản của anh Nguyễn Trung Kiên để lại; thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do anh Nguyễn Trung Kiên chết ngày 29-1-2018 và không có di chúc, nên thửa đất này là di sản và được chia theo pháp luật; giá trị quyền sử dụng của 65 thửa đất này là 1.000.000.000 đồng.

Tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Trung Kiên gồm cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức Phương (*chết ngày 28-8-2018*). Do ông Nguyễn Đức Phương chết sau thời điểm mở thừa kế, nên kỷ phần mà ông Nguyễn Đức Phương được hưởng của anh Nguyễn Trung Kiên sẽ giao cho bà Hiền quản lý.

Tạm giao cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V quyền sử dụng thửa đất diện tích 95 m² (*trong đó có 75 m² đất ở, 20 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Tất Thành*) tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (*phía Đông giáp đất đường Nguyễn Tất Thành, có chiều dài 5 mét; phía Tây giáp đất ông Ma Láp, có chiều dài 5 mét; phía Nam giáp đất ông Thành có chiều dài 19 mét; phía Bắc giáp đất ông Châu, có chiều dài 19 mét*).

(Có sơ đồ của thửa đất kèm theo bản án này).

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H kỷ phần của bà Nguyễn Thị H, kỷ phần của ông Nguyễn Đức Phương. Do bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V 72.595.025 đồng tiền tử tuất một lần của anh Nguyễn Trung Kiên, nên sau khi trừ đi 72.595.025 đồng này thì cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng cộng là 462.446.000 đồng.

Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm là 8.000.000 đồng; cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V chịu 3.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H chịu 5.000.000 đồng (*các bên đương sự đã nộp đủ các khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*).

Chị Nguyễn Thị Thu Đ làm đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V trong các giao dịch nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015 (*mẹ làm đại diện theo pháp luật cho con chưa thành niên*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Cháu Nguyễn Thục Q và cháu Nguyễn Hà V được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai số 0006282 ngày 13-3-2019 và 1.877.000 đồng theo Biên lai số 0006282 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến Thẩm phán 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí ý kiến của Thẩm phán 1.

Kết quả biểu quyết: đồng ý : 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ý kiến Thẩm phán 1:

Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Ý kiến Thẩm phán 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí ý kiến của Thẩm phán 1.

Kết quả biểu quyết: đồng ý : 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại Biên bản nghị án và ký tên dưới đây.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

